THANH TRA CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1665/TTCP-PC V/v tuyên truyền, phổ biến Luật Tố cáo 2018	*Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2018*

VĂN PHÒNG TLĐ. LĐVN
ĐẾN Số: 17520
Ngày: 03-10-2018

Kính gửi:
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Hội Luật gia Việt Nam;
- Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

Luật Tố cáo số 25/2018/QH14 được Quốc hội Khóa XIV, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 12/06/2018, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2019; là công cụ pháp lý quan trọng bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân theo Hiến pháp năm 2013; có nhiều điểm mới so với Luật Tố cáo 2011. Thanh tra Chính phủ đăng tải toàn văn nội dung Luật Tố cáo 2018 trên Cổng thông tin điện tử Thanh tra Chính phủ và cập nhật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân dễ dàng tiếp cận, khai thác và sử dụng; đồng thời đăng tải Tài liệu giới thiệu về Luật trên Cổng thông tin điện tử Thanh tra Chính phủ (địa chỉ http://www.thanhtra.gov.vn) để đảm bảo thống nhất nhận thức về nội dung của Luật.

Thanh tra Chính phủ đề nghị các bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội phổ biến, hướng dẫn, cung cấp tài liệu tuyên truyền về Luật Tố cáo năm 2018 cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc và các tầng lớp nhân dân; chủ động lựa chọn nội dung và hình thức tuyên truyền về Luật phù hợp với đối tượng, địa bàn, đặc điểm tổ chức và tình hình nhiệm vụ; bảo đảm hiệu quả, thiết thực. Trong quá trình thực hiện, nếu cần sự trợ giúp, hướng dẫn về nội dung tuyên truyền, đề nghị phản ánh về Thanh tra Chính phủ (qua Vụ Pháp chế)./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Tổng TTCP (để b/c);
- Các Phó Tổng TTCP (để b/c);
- Thanh tra các bộ, ngành;
- Thanh tra các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, PC.

KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA

Nguyễn Văn Thanh

THANH TRA CHÍNH PHỦ

GIỚI THIỆU LUẬT TỐ CÁO NĂM 2018

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG LUẬT TỐ CÁO 2018

1. Nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập của Luật tố cáo 2011

Trong những năm qua, Luật tố cáo 2011 đã tạo hành lang pháp lý để công dân thực hiện quyền tố cáo; giúp các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kịp thời phát hiện, xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật (VPPL) của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ và các hành vi VPPL của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong các lĩnh vực quản lý nhà nước (QLNN). Tuy nhiên, qua quá trình thực hiện, Luật tố cáo 2011 đã bộc lộ những hạn chế, bất cập sau:

Thứ nhất, về thẩm quyền giải quyết tố cáo: Luật tố cáo 2011 chưa quy định nguyên tắc xác định thẩm quyền giải quyết tố cáo trong các trường hợp như: tố cáo hành vi VPPL trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong thời gian đương nhiệm, nay họ đã chuyển công tác đến cơ quan, tổ chức khác hoặc họ không còn là cán bộ, công chức, viên chức; tố cáo hành vi VPPL của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ xảy ra trong thời gian cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi họ công tác chưa bị hợp nhất, sáp nhập, chia tách, giải thể; tố cáo cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ…Luật tố cáo 2011 cũng chưa quy định thẩm quyền giải quyết tố cáo của các cơ quan như Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân (HĐND), Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với hành vi VPPL trong thực hiện nhiệm vụ của người có chức danh, chức vụ trong doanh nghiệp nhà nước.

Thứ hai, về trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo: Luật tố cáo 2011 quy định thiếu chặt chẽ hoặc chưa cụ thể trong việc xử lý đối với một số tình huống như: tiếp nhận, xử lý ban đầu thông tin tố cáo; người tố cáo rút đơn tố cáo; tạm dừng, đình chỉ việc giải quyết tố cáo; tố cáo tiếp và giải quyết tố cáo tiếp…

Thứ ba, về tổ chức thi hành kết luận nội dung tố cáo: Luật tố cáo 2011 chưa quy định rõ vấn đề này dẫn đến tình trạng nhiều kết luận, quyết định xử lý đối với người có hành vi VPPL bị tố cáo đã có hiệu lực pháp luật nhưng không được cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, nghiêm minh, nhất là việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức; xử lý sai phạm về kinh tế... gây ra bức xúc cho người dân và xã hội.

Thứ tư, về bảo vệ người tố cáo: Luật tố cáo 2011 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã có quy định về các biện pháp bảo vệ người tố cáo. Tuy nhiên, các quy định này khó thực hiện, chưa tạo nên cơ chế pháp lý để bảo vệ người tố cáo một

cách hiệu quả và thực chất. Do vậy, cần có các quy định cụ thể, chi tiết nhằm bảo vệ kịp thời, hiệu quả người tố cáo và người thân thích của họ.

Những hạn chế, bất cập của Luật tố cáo 2011 làm giảm hiệu lực, hiệu quả công tác giải quyết tố cáo và trật tự, kỷ cương pháp luật. Luật tố cáo 2018 hướng đến khắc phục những hạn chế, bất cập đó.

2. Nhằm cụ thể hóa quy định về quyền con người trong Hiến pháp 2013 và phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan

Khoản 1 Điều 30 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: "Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân". Hiến pháp năm 2013 đã có điểm mới so với Hiến pháp năm 1992 khi quy định quyền tố cáo là quyền con người mà không chỉ là quyền công dân và đề cao vấn đề thực thi quyền con người, quyền công dân...Do đó, Luật tố cáo sửa đổi nhằm thể hiện rõ hơn tinh thần của Hiến pháp 2013 về quyền tố cáo với góc độ là quyền con người; quy định cụ thể hơn việc bảo vệ người tố cáo, trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền trong việc giải quyết tố cáo và công khai, minh bạch trong hoạt động này...Mặt khác, những thay đổi về quy trình tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo tội phạm tại Bộ luật tố tụng hình sự 2015 hay quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn xử phạt vi phạm hành chính theo Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012...cũng liên quan đến việc xác định trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời hạn giải quyết tố cáo. Điều đó đặt ra yêu cầu xây dựng Luật tố cáo mới, bảo đảm phù hợp với Hiến pháp 2013 và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Nhằm quán triệt sự chỉ đạo của Đảng về tăng cường công tác đấu tranh PCTN, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Việc xây dựng Luật tố cáo 2018 cũng là thực hiện các chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về đẩy mạnh công tác PCTN và nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, cụ thể: Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 15/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng đã đặt ra các nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng: "Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật tố cáo, bảo đảm các tố cáo về tham nhũng phải được giải quyết kịp thời, tránh tình trạng đùn đẩy, bao che, không giải quyết hoặc giải quyết không đúng quy định pháp luật". Chỉ thị cũng nhấn mạnh: "Nâng cao hiệu quả phát hiện, xử lý tham nhũng thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, giải quyết tố cáo, xử lý tố giác, tin báo tội phạm..."; "Bảo vệ, khen thưởng xứng đáng người dũng cảm tố cáo hành vi tham nhũng; đồng thời xử lý nghiêm mọi hành vi trù dập, trả thù người tố cáo tham nhũng hoặc lợi dụng việc tố cáo tham nhũng để gây mất đoàn kết nội bộ, vu khống, hãm hại người khác". Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị ngày 26/5/2014 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân, giải quyết

khiếu nại, tố cáo cũng đưa ra giải pháp: "Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo hướng nâng cao thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan thanh tra; của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, của HĐND, đại biểu HĐND trong việc thực hiện chức năng giám sát; của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo".

II. QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG LUẬT TỐ CÁO 2018

Luật tố cáo 2018 được xây dựng dựa trên quan điểm và nguyên tắc sau:

1. Thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về giải quyết tố cáo, cải cách nền hành chính, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

2. Nội dung và phạm vi điều chỉnh hợp lý; tạo điều kiện thuận lợi cho công dân thực hiện quyền tố cáo; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong việc giải quyết tố cáo; quy định rõ thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết các loại tố cáo; có cơ chế hữu hiệu bảo vệ người tố cáo; đồng thời xử lý nghiêm minh đối với các hành vi VPPL về tố cáo.

3. Bảo đảm phù hợp với Hiến pháp 2013 và các văn bản pháp luật có liên quan; bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và tính khả thi.

4. Dựa trên cơ sở tổng kết thực tiễn và kế thừa những nội dung còn phù hợp của Luật tố cáo 2011; bổ sung nội dung mới đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

III. BỐ CỤC CỦA LUẬT TỐ CÁO 2018

Luật tố cáo 2018 bao gồm 09 chương với 67 điều, trong đó:

Chương I: Những quy định chung, gồm 08 điều, từ Điều 01 đến Điều 08. Chương này quy định về phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; áp dụng pháp luật về tố cáo và giải quyết tố cáo; nguyên tắc giải quyết tố cáo; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc tiếp nhận, giải quyết tố cáo; trách nhiệm phối hợp của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc giải quyết tố cáo, chấp hành quyết định xử lý hành vi VPPL bị tố cáo; các hành vi bị nghiêm cấm trong tố cáo và giải quyết tố cáo.

Chương II: Quyền và nghĩa vụ của người tố cáo, người bị tố cáo, người giải quyết tố cáo, gồm 03 điều, từ Điều 09 đến Điều 11. Chương này quy định về quyền và nghĩa vụ của 03 nhóm chủ thể có liên quan trong quá trình tố cáo và giải quyết tố cáo là: người tố cáo, người bị tố cáo, người giải quyết tố cáo.

Chương III: Giải quyết tố cáo đối với hành vi VPPL trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ, gồm 28 điều, từ Điều 12 đến Điều 40. Chương này gồm 03 mục: Mục 01 quy định về thẩm quyền giải quyết tố cáo (từ Điều 12 đến Điều 21); Mục 02 quy định về hình thức tố cáo, tiếp nhận xử lý ban đầu thông tin tố cáo (từ

Điều 22 đến Điều 27); Mục 03 quy định về trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo (từ Điều 28 đến Điều 40).

Chương IV: Giải quyết tố cáo đối với hành vi VPPL về QLNN trong các lĩnh vực, gồm 03 điều, từ Điều 41 đến Điều 43; quy định về nguyên tắc xác định thẩm quyền giải quyết tố cáo; trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo hành vi VPPL về QLNN trong các lĩnh vực; trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo có nội dung rõ ràng, chứng cứ cụ thể, có cơ sở để xử lý ngay.

Chương V: Trách nhiệm tổ chức thực hiện kết luận nội dung tố cáo, gồm 03 điều, từ Điều 44 đến Điều 46, quy định về trách nhiệm của người giải quyết tố cáo, của người bị tố cáo và của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương VI: Bảo vệ người tố cáo, gồm 12 điều, từ Điều 47 đến Điều 58. Chương này gồm 03 mục: Mục 01 quy định chung; Mục 02 quy định trình tự, thủ tục bảo vệ người tố cáo; Mục 3 quy định các biện pháp bảo vệ người tố cáo.

Chương VII: Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc quản lý công tác giải quyết tố cáo, gồm 03 điều, từ Điều 59 đến Điều 61: quy định về trách nhiệm của cơ quan QLNN về công tác giải quyết tố cáo; trách nhiệm của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm toán nhà nước, cơ quan khác của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; trách nhiệm thông tin, báo cáo trong công tác giải quyết tố cáo.

Chương VIII: Khen thưởng và xử lý vi phạm, gồm 04 điều từ Điều 62 đến Điều 65: quy định tiêu chí chung về khen thưởng đối với người tố cáo và quy định về xử lý hành vi vi phạm của người giải quyết tố cáo, người có trách nhiệm chấp hành quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo, người tố cáo và những người khác có liên quan.

Chương IX: Điều khoản thi hành, gồm 02 điều, từ Điều 66 đến Điều 67 quy định về hiệu lực thi hành và quy định chi tiết các điều khoản thi hành Luật.

Như vậy, nếu Luật tố cáo 2011 bao gồm 08 chương với 50 điều thì Luật tố cáo 2018 bao gồm 09 chương với 67 điều. So với Luật tố cáo 2011 thì Luật tố cáo 2018 có thêm một chương mới là Chương V về trách nhiệm tổ chức thực hiện kết luận nội dung tố cáo. Nhiều vấn đề quan trọng của Luật tố cáo 2011 đã được sửa đổi, bổ sung như: thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo đối với hành vi VPPL trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ; rút tố cáo; tạm đình chỉ, đình chỉ việc giải quyết tố cáo; tố cáo tiếp, giải quyết lại vụ việc tố cáo; trách nhiệm tổ chức thực hiện kết luận nội dung tố cáo; trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền trong việc bảo vệ người tố cáo...

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT TỐ CÁO 2018

1. Phạm vi điều chỉnh

Để cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp về quyền tố cáo của cá nhân cũng như trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc giải quyết tố cáo; đồng thời bảo đảm sự thống nhất giữa Luật tố cáo với Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật khác có liên quan, Luật tố cáo 2018 tiếp tục kế thừa quy định của Luật tố cáo 2011 về phạm vi điều chỉnh, trong đó quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo đối với 02 nhóm hành vi VPPL: (1) hành vi vi phạm trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ; (2) hành vi VPPL về QLNN trong các lĩnh vực. Bên cạnh đó, Luật tố cáo còn quy định về bảo vệ người tố cáo; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong quản lý công tác giải quyết tố cáo.

2. Áp dụng pháp luật trong tố cáo và giải quyết tố cáo

Nhằm đảm bảo sự thống nhất trong áp dụng pháp luật, Điều 3 Luật tố cáo 2018 quy định: "(i). Tố cáo và giải quyết tố cáo được áp dụng theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. Trường hợp luật khác có quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của luật đó. (ii). Việc tiếp nhận, giải quyết tố giác và tin báo về tội phạm được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự".

Trong quá trình xây dựng Luật tố cáo 2018, có ý kiến đề nghị xác định Luật tố cáo là luật gốc, nên để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì không nên nêu nguyên tắc áp dụng pháp luật (như quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Luật tố cáo) mà các luật khác phải tuân theo Luật này khi điều chỉnh về tố cáo và giải quyết tố cáo từng lĩnh vực; trường hợp Luật này phải áp dụng quy định của luật khác thì cũng cần chỉ rõ đó là quy định nào, ở văn bản nào và ngược lại, quy định nào của Luật tố cáo cần được áp dụng chung trong quá trình giải quyết tố cáo từng lĩnh vực ở văn bản pháp luật khác.

Quá trình nghiên cứu cho thấy, bên cạnh Luật tố cáo - là luật điều chỉnh chung về tố cáo và giải quyết tố cáo, hiện nay còn có một số văn bản pháp luật khác có quy định riêng về tố cáo và giải quyết tố cáo như Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật thi hành án hình sự, Luật thi hành án dân sự, Luật PCTN, Luật bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật bầu cử đại biểu HĐND...Việc đưa tất cả các quy định liên quan trong các luật nói trên vào Luật tố cáo hay lấy Luật tố cáo là căn cứ để điều chỉnh vấn đề tố cáo tại các luật khác là rất phức tạp, không khả thi và không bao quát hết đặc thù của tố cáo và giải quyết tố cáo trong từng lĩnh vực. Việc xác định nguyên tắc áp dụng pháp luật như Khoản 1 Điều 3 sẽ tránh được xung đột pháp luật (mâu thuẫn/chồng chéo/bỏ sót). Như vậy, trường hợp luật khác có quy định khác về tố cáo và giải quyết tố cáo thì mới áp dụng theo luật đó hoặc trường hợp luật khác quy định dẫn chiếu đến Luật tố cáo thì việc giải quyết tố cáo được áp dụng theo Luật tố cáo.

3. Quyền và nghĩa vụ của người tố cáo, người bị tố cáo, người giải quyết

tố cáo

Tổng kết công tác giải quyết tố cáo cho thấy, qua đơn thư tố cáo, cơ quan nhà nước phát hiện, xử lý nhiều hành vi tiêu cực, tham nhũng, VPPL, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, công dân. Tuy nhiên, thực tế không ít trường hợp công dân lợi dụng quyền tố cáo để tố cáo sai, vu cáo, vu khống nhằm làm hại uy tín, danh dự của người khác, gây mất đoàn kết nội bộ. Vì vậy, cần phải có quy định để đảm bảo sự công bằng, bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể có liên quan. Kế thừa các nội dung còn phù hợp của Luật tố cáo 2011, Luật tố cáo 2018 đã quy định cụ thể, đầy đủ hơn về quyền, nghĩa vụ của người tố cáo, người bị tố cáo, người giải quyết tố cáo.

Đối với người tố cáo, Luật quy định các quyền cho người tố cáo gồm: thực hiện tố cáo; được bảo đảm bí mật họ, tên, địa chỉ, bút tích và các thông tin cá nhân khác; được thông báo về việc thụ lý hoặc không thụ lý tố cáo, chuyển tố cáo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết, gia hạn giải quyết tố cáo, đình chỉ, tạm đình chỉ việc giải quyết tố cáo, tiếp tục giải quyết tố cáo, kết luận nội dung tố cáo; tố cáo tiếp khi có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền không đúng pháp luật hoặc quá thời hạn; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ người tố cáo; được khen thưởng, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Luật đã bổ sung quyền rút tố cáo của người tố cáo. Bên cạnh các quyền, Luật tố cáo quy định người tố cáo có các nghĩa vụ: cung cấp thông tin cá nhân theo quy định tại Điều 23 của Luật; trình bày trung thực về nội dung tố cáo; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo mà mình có được; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung tố cáo của mình; hợp tác với người giải quyết tố cáo khi có yêu cầu; bồi thường thiệt hại do hành vi cố ý tố cáo sai sự thật của mình gây ra (Điều 9).

Đối với người bị tố cáo, Luật đã bổ sung một số quyền của người bị tố cáo gồm: được thông báo về việc gia hạn giải quyết tố cáo, đình chỉ, tạm đình chỉ việc giải quyết tố cáo, tiếp tục giải quyết tố cáo; được bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp khi chưa có kết luận nội dung tố cáo của người giải quyết tố cáo; khiếu nại quyết định xử lý của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Luật cũng bổ sung nghĩa vụ của người bị tố cáo là có mặt để làm việc theo yêu cầu của người giải quyết tố cáo (Điều 10).

Đối với người giải quyết tố cáo, Luật bổ sung một số nghĩa vụ, đó là: bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo khi chưa có kết luận nội dung tố cáo; thông báo cho người tố cáo về việc thụ lý hoặc không thụ lý tố cáo, việc chuyển vụ việc tố cáo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết, gia hạn giải quyết tố cáo, đình chỉ, tạm đình chỉ việc giải quyết tố cáo, tiếp tục giải quyết tố cáo, kết luận nội dung tố cáo; thông báo cho người bị tố cáo về nội dung tố

cáo, gia hạn giải quyết tố cáo, đình chỉ, tạm đình chỉ việc giải quyết tố cáo, tiếp tục giải quyết tố cáo; gửi kết luận nội dung tố cáo cho người bị tố cáo (Điều 11).

4. Giải quyết tố cáo đối với hành vi VPPL trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ

So với Luật tố cáo 2011, Luật tố cáo 2018 có nhiều quy định mới về thẩm quyền và về trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo đối với nhóm hành vi VPPL trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

4.1. Về thẩm quyền giải quyết tố cáo

Về nguyên tắc xác định thẩm quyền: Luật tố cáo 2018 tiếp tục kế thừa nguyên tắc xác định thẩm quyền trong Luật tố cáo 2011 và bổ sung thêm một số nguyên tắc để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn hiện nay như: tố cáo hành vi VPPL trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức xảy ra trong thời gian công tác trước đây nay đã chuyển sang cơ quan, tổ chức khác hoặc không còn là cán bộ, công chức, viên chức; tố cáo đối với cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, tổ chức đã hợp nhất, sáp nhập, chia tách; tố cáo cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, tổ chức đã bị giải thể; tố cáo cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ (Điều 12).

Về thẩm quyền giải quyết tố cáo: Tại Điều 13, Luật tố cáo 2018 quy định về thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi VPPL trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong cơ quan hành chính nhà nước. Ngoài ra, Luật bổ sung quy định về thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi VPPL của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm toán nhà nước và trong các cơ quan khác của nhà nước như Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, HĐND các cấp...(từ Điều 14 đến Điều 17). Luật cũng quy định về thẩm quyền giải quyết tố cáo trong các đơn vị sự nghiệp công lập (Điều 18) và thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi VPPL trong việc thực hiện nhiệm vụ của người có chức danh, chức vụ trong doanh nghiệp nhà nước (Điều 19). Tiếp tục kế thừa quy định của Luật tố cáo 2011, Luật tố cáo 2018 quy định thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ mà không phải là cán bộ, công chức, viên chức (Điều 21); giao cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hướng dẫn về thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với các hành vi VPPL trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong hệ thống của mình (Điều 20).

4.2. Về hình thức tố cáo, tiếp nhận, xử lý ban đầu thông tin tố cáo

- Hình thức tố cáo: Để xác định rõ trách nhiệm của người tố cáo, tránh tình trạng lợi dụng tố cáo để tố cáo tràn lan, cố ý tố cáo sai sự thật, ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của người bị tố cáo, Luật tố cáo 2018 tiếp tục quy định hai hình thức tố cáo như Luật tố cáo 2011: *tố cáo bằng đơn và tố cáo trực tiếp.*

- *Tiếp nhận, xử lý ban đầu thông tin tố cáo:* Đây là bước quan trọng để các cơ quan có thẩm quyền quyết định thụ lý hay không thụ lý tố cáo. Do đó, Luật tố cáo 2018 quy định cụ thể việc tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn tố cáo, đảm bảo cho việc xử lý ban đầu được thực hiện một cách chặt chẽ. Luật cũng quy định trách nhiệm vào sổ, phân loại, xử lý ban đầu thông tin tố cáo, kiểm tra, xác minh thông tin về người tố cáo và điều kiện thụ lý tố cáo; xử lý hành vi bị tố cáo có dấu hiệu tội phạm (từ Điều 23 đến Điều 27). Một số điểm mới quan trọng về xử lý ban đầu đối với thông tin tố cáo như sau:

Đối với đơn tố cáo được gửi đến nhiều nơi, Khoản 3 Điều 24 Luật quy định: trường hợp tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình và được gửi đồng thời cho nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân, trong đó có cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết hoặc trường hợp đã hướng dẫn nhưng người tố cáo vẫn gửi tố cáo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân không có thẩm quyền giải quyết thì cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận được tố cáo không xử lý. Quy định này nhằm tránh tình trạng người tố cáo gửi đơn tố cáo tràn lan, vượt cấp, đồng thời đảm bảo hiệu quả trong việc xử lý tố cáo không thuộc thẩm quyền.

Đối với tố cáo nặc danh, mạo danh, Điều 25 của Luật quy định: khi nhận được thông tin có nội dung tố cáo nhưng không rõ họ tên, địa chỉ của người tố cáo hoặc qua kiểm tra, xác minh không xác định được người tố cáo hoặc người tố cáo sử dụng họ tên của người khác để tố cáo hoặc thông tin có nội dung tố cáo được phản ánh không theo hình thức quy định tại Điều 22 của Luật thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền không xử lý. Trường hợp thông tin tố cáo có nội dung rõ ràng về người có hành vi VPPL, có tài liệu, chứng cứ cụ thể về hành vi VPPL và có cơ sở để thẩm tra, xác minh thì cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tiến hành thanh tra, kiểm tra theo thẩm quyền hoặc chuyển đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền để thanh tra, kiểm tra phục vụ cho công tác quản lý.

4.3. Về trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo

Nếu Luật tố cáo 2011 quy định trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo bắt đầu từ khâu *tiếp nhận tố cáo* thì Luật tố cáo 2018 quy định trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo bắt đầu từ khâu *thụ lý tố cáo*. Đây cũng là thời điểm bắt đầu để tính thời hạn giải quyết tố cáo. Luật tố cáo 2018 quy định 04 bước trong quy trình giải quyết tố cáo: (i) Thụ lý tố cáo; (ii) Xác minh nội dung tố cáo; (iii) Kết luận nội dung tố cáo; (iv) Xử lý kết luận nội dung tố cáo của người giải quyết tố cáo.

Luật đã quy định chi tiết, cụ thể hơn về trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo:

- *Bổ sung quy định về điều kiện thụ lý tố cáo (Khoản 1 Điều 29).* Đây là căn cứ quan trọng để các cơ quan có thẩm quyền xem xét và quyết định thụ lý vụ việc tố cáo. *Theo đó, người giải quyết tố cáo ra quyết định thụ lý tố cáo khi có đủ các*

điều kiện sau: (i) Tố cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Luật (phải đảm bảo về hình thức tố cáo); (ii) Người tố cáo có đủ năng lực hành vi dân sự; trường hợp không có đủ năng lực hành vi dân sự thì phải có người đại diện theo quy định của pháp luật; (iii) Vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tố cáo; (iv) Nội dung tố cáo có cơ sở để xác định người vi phạm, hành vi VPPL.

Xử lý trường hợp chuyển từ khiếu nại sang tố cáo, Khoản 1 Điều 29 Luật tố cáo quy định: Trường hợp tố cáo xuất phát từ vụ việc khiếu nại đã được giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng người khiếu nại không đồng ý mà chuyển sang tố cáo người đã giải quyết khiếu nại thì chỉ thụ lý tố cáo khi người tố cáo cung cấp được thông tin, tài liệu, chứng cứ để xác định người giải quyết khiếu nại có hành vi VPPL.

- *Sửa đổi quy định về thời hạn giải quyết tố cáo.* Theo đó, thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Ngoài ra, Luật cũng quy định về gia hạn giải quyết tố cáo đối với những vụ việc phức tạp hoặc đặc biệt phức tạp. Cụ thể là, đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày. Người giải quyết tố cáo quyết định bằng văn bản việc gia hạn giải quyết tố cáo và thông báo đến người tố cáo, người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (Điều 30).

- *Bổ sung quy định về rút tố cáo*. Theo đó, người tố cáo có quyền rút toàn bộ nội dung tố cáo hoặc một phần nội dung tố cáo trước khi người giải quyết tố cáo ra kết luận nội dung tố cáo. Việc rút tố cáo phải được thực hiện bằng văn bản. Luật cũng quy định cụ thể việc xử lý đối với các trường hợp rút tố cáo toàn bộ, rút một phần; rút tố cáo trong trường hợp nhiều người cùng tố cáo, trong trường hợp người tố cáo bị đe dọa, mua chuộc hoặc người tố cáo lợi dụng việc tố cáo để vu khống, xúc phạm, gây thiệt hại cho người bị tố cáo (Điều 33).

- *Bổ sung quy định về tạm đình chỉ, đình chỉ việc giải quyết tố cáo.* Khoản 1 Điều 34 Luật tố cáo quy định người giải quyết tố cáo *ra quyết định tạm đình chỉ* việc giải quyết tố cáo khi có một trong các căn cứ: (i) Cần đợi kết quả giải quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác hoặc đợi kết quả giải quyết vụ việc khác có liên quan; (ii) Cần đợi kết quả giám định bổ sung, giám định lại. Khi căn cứ tạm đình chỉ việc giải quyết tố cáo không còn thì người giải quyết tố cáo ra ngay quyết định tiếp tục giải quyết tố cáo; thời gian tạm đình chỉ không tính vào thời hạn giải quyết tố cáo (Khoản 2 Điều 34). Khoản 3 Điều 34 Luật tố cáo quy định người giải quyết tố cáo *ra quyết định đình chỉ* việc giải quyết tố cáo khi có một trong các căn cứ sau đây: (i) Người tố cáo rút toàn bộ nội dung tố cáo, trừ trường hợp quy định tại khoản

3 Điều 33 của Luật; (ii) Người bị tố cáo là cá nhân chết và nội dung tố cáo chỉ liên quan đến trách nhiệm của người bị tố cáo; (iii) Vụ việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc quyết định đã có hiệu lực của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

- *Quy định về việc tố cáo tiếp, giải quyết lại vụ việc tố cáo.* Theo đó, trường hợp có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo là không đúng pháp luật thì người tố cáo có quyền tố cáo tiếp với người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của người đã giải quyết tố cáo. Luật đã quy định cụ thể việc xử lý đối với tố cáo tiếp và căn cứ để giải quyết lại vụ việc tố cáo nhằm đảm bảo nguyên tắc mọi hành vi vi phạm đều được xem xét, xử lý kịp thời, đúng pháp luật; tránh tình trạng bao che vi phạm hoặc tố cáo tràn lan, vượt cấp (Điều 37). Bên cạnh đó, Luật quy định về việc giải quyết tố cáo trong trường hợp vụ việc quá thời hạn quy định mà không được giải quyết, qua đó xác định rõ trách nhiệm của người giải quyết tố cáo cũng như của người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của người giải quyết tố cáo trong hoạt động theo dõi, đôn đốc việc giải quyết tố cáo (Điều 38). Đặc biệt, một điểm mới quan trọng của Luật tố cáo 2018 là trường hợp có căn cứ về việc giải quyết tố cáo có VPPL nghiêm trọng, có dấu hiệu không khách quan thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp giải quyết vụ việc tố cáo (Khoản 5 Điều 38).

5. Giải quyết tố cáo hành vi VPPL về QLNN trong các lĩnh vực

5.1. Về thẩm quyền giải quyết tố cáo

Luật tố cáo 2018 tiếp tục kế thừa quy định của Luật tố cáo 2011 theo nguyên tắc: Tố cáo hành vi VPPL của cơ quan, tổ chức, cá nhân mà nội dung liên quan đến chức năng QLNN của cơ quan nào thì cơ quan đó có trách nhiệm giải quyết. Tố cáo nhiều hành vi VPPL thuộc chức năng QLNN của nhiều cơ quan thì các cơ quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm phối hợp để thống nhất xác định cơ quan có thẩm quyền chủ trì giải quyết hoặc báo cáo cơ quan QLNN cấp trên quyết định giao cho một cơ quan có thẩm quyền chủ trì giải quyết. Tố cáo về hành vi VPPL thuộc thẩm quyền giải quyết của nhiều cơ quan thì cơ quan thụ lý đầu tiên có thẩm quyền giải quyết (Điều 41).

5.2. Về trình tự, thủ tục giải quyết

Trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo hành vi VPPL về QLNN trong các lĩnh vực - về cơ bản - được thực hiện như đối với giải quyết tố cáo hành vi vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ (Điều 42) và áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các trường hợp cụ thể. Tuy nhiên, đối với tố cáo hành vi VPPL về QLNN trong các lĩnh vực có nội dung rõ ràng, chứng cứ cụ thể, có cơ sở để xử lý ngay thì việc giải quyết tố cáo được thực hiện theo trình tự sau: (i) Người có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý thông tin tố cáo;

(ii) Trường hợp tố cáo hành vi VPPL thuộc lĩnh vực mà mình quản lý, người giải quyết tố cáo tiến hành ngay việc xác minh nội dung tố cáo, áp dụng biện pháp cần thiết để ngăn chặn, chấm dứt hành vi VPPL và kịp thời lập biên bản về hành vi VPPL; việc xác minh, kiểm tra thông tin về người tố cáo được thực hiện trong trường hợp người giải quyết tố cáo thấy cần thiết cho quá trình xử lý hành vi bị tố cáo; (iii) Người giải quyết tố cáo ra quyết định xử lý hành vi VPPL theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo pháp luật (Điều 43).

6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện kết luận nội dung tố cáo

Tổ chức thi hành kết luận nội dung tố cáo có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo hiệu lực, hiệu quả QLNN, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; tăng cường trật tự, kỷ cương pháp luật. Để kết luận nội dung tố cáo được thực hiện nghiêm minh, cần có các quy định cụ thể về trách nhiệm của các chủ thể có liên quan. Do vậy, Luật tố cáo 2018 đã bổ sung Chương V về tổ chức thực hiện kết luận nội dung tố cáo. Đây là chế định mới của Luật, trong đó quy định rõ trách nhiệm của người giải quyết tố cáo, người bị tố cáo, của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo (từ Điều 44 đến Điều 46).

7. Bảo vệ người tố cáo

Trên cơ sở kế thừa, phát triển các quy định của Luật tố cáo 2011 và Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tố cáo 2011, Luật tố cáo 2018 đã dành một chương (Chương VI) quy định về bảo vệ người tố cáo với nội dung cơ bản sau:

- *Về người được bảo vệ*, gồm: người tố cáo, vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người tố cáo (Khoản 1 Điều 47).

- *Về phạm vi bảo vệ*, gồm: bí mật thông tin của người tố cáo; vị trí công tác, việc làm, tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người được bảo vệ (Khoản 1 Điều 47).

- *Về căn cứ được bảo vệ*: Khi có căn cứ cho rằng vị trí công tác, việc làm, tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người được bảo vệ *đang bị xâm hại* hoặc *có nguy cơ bị xâm hại ngay tức khắc* hay họ *bị trù dập, phân biệt đối xử* do việc tố cáo thì người giải quyết tố cáo, cơ quan có thẩm quyền tự quyết định hoặc theo đề nghị của người tố cáo quyết định việc áp dụng biện pháp bảo vệ cần thiết (Khoản 3 Điều 47).

- *Quyền và nghĩa vụ của người được bảo vệ*. về cơ bản, các quyền của người được bảo vệ được kế thừa các quy định của Luật tố cáo 2011, gồm: Được biết về các biện pháp bảo vệ; được giải thích về quyền và nghĩa vụ khi được áp dụng biện pháp bảo vệ; đề nghị thay đổi, bổ sung, chấm dứt việc áp dụng biện pháp bảo

vệ; từ chối áp dụng biện pháp bảo vệ; được bồi thường theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của nhà nước trong trường hợp người tố cáo đã đề nghị người giải quyết tố cáo, cơ quan khác có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ mà không áp dụng biện pháp bảo vệ hoặc áp dụng không kịp thời, không đúng quy định của pháp luật, gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản, tinh thần cho người được bảo vệ. Tương ứng với các quyền, người được bảo vệ phải thực hiện các nghĩa vụ như: chấp hành nghiêm chỉnh yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ; giữ bí mật thông tin về việc được bảo vệ; thông báo kịp thời đến cơ quan áp dụng biện pháp bảo vệ về những vấn đề phát sinh trong thời gian được bảo vệ (Điều 48).

- *Về cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ*: Trách nhiệm bảo vệ trước hết thuộc về cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố cáo. Bên cạnh đó, các cơ quan khác, trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình cũng có trách nhiệm bảo vệ người tố cáo và người thân thích của họ. Đó là cơ quan tiếp nhận, xác minh nội dung tố cáo; cơ quan Công an; cơ quan QLNN về cán bộ, công chức, viên chức, lao động; UBND các cấp, Công đoàn các cấp...(Điều 49).

- *Về trình tự, thủ tục bảo vệ:* Trước hết, Luật quy định về việc người tố cáo có văn bản đề nghị người giải quyết tố cáo áp dụng biện pháp bảo vệ. Trường hợp khẩn cấp, người tố cáo có thể trực tiếp đến đề nghị hoặc thông qua điện thoại đề nghị người giải quyết tố cáo áp dụng biện pháp bảo vệ ngay nhưng sau đó nội dung đề nghị phải được thể hiện bằng văn bản (Điều 50). Trên cơ sở đề nghị của người tố cáo, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định việc áp dụng biện pháp bảo vệ; thay đổi, bổ sung việc áp dụng biện pháp bảo vệ nếu xét thấy cần thiết hoặc trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của người được bảo vệ; chấm dứt việc áp dụng biện pháp bảo vệ (từ Điều 51 đến Điều 54).

- *Về các biện pháp bảo vệ:* Luật quy định các biện pháp cụ thể để bảo vệ bí mật thông tin; vị trí công tác, việc làm; tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm cho những người được bảo vệ (từ Điều 56 đến Điều 58).

8. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc quản lý công tác giải quyết tố cáo

Trước hết, Luật tố cáo quy định về trách nhiệm của các cơ quan QLNN về công tác giải quyết tố cáo (Điều 59). Theo đó, Chính phủ thống nhất QLNN về công tác giải quyết tố cáo trong phạm vi cả nước; trực tiếp quản lý công tác giải quyết tố cáo của các cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước. Thanh tra Chính phủ là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện QLNN về công tác giải quyết tố cáo trong phạm vi thẩm quyền của Chính phủ. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các cấp thực hiện QLNN về công tác giải quyết tố cáo trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Luật cũng quy định về trách nhiệm của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát

nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, các cơ quan khác của nhà nước, cơ quan của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong việc quản lý công tác giải quyết tố cáo (Điều 60). *Cụ thể là:* (i) Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, các cơ quan khác của nhà nước, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quản lý công tác giải quyết tố cáo; hằng năm gửi báo cáo về công tác giải quyết tố cáo trong phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức mình đến Chính phủ để tổng hợp báo cáo Quốc hội. (ii) Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, các cơ quan khác của nhà nước, các cơ quan của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quản lý công tác giải quyết tố cáo; hằng năm gửi báo cáo về công tác giải quyết tố cáo trong phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức mình đến UBND cùng cấp để tổng hợp báo cáo HĐND. (iii) Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, cơ quan khác của nhà nước không thuộc hệ thống hành chính nhà nước, cơ quan có thẩm quyền của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hướng dẫn việc thực hiện pháp luật về tố cáo và giải quyết tố cáo trong phạm vi cơ quan, tổ chức mình phù hợp với đặc thù tổ chức, hoạt động.

9. Quy định về khen thưởng và xử lý vi phạm

Luật quy định những vấn đề chung về khen thưởng và xử lý vi phạm. Theo đó, người tố cáo trung thực, tích cực cộng tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi VPPL thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật (Điều 62). Luật cũng quy định về xử lý hành vi VPPL về tố cáo của các chủ thể, bao gồm người giải quyết tố cáo, người có trách nhiệm chấp hành quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo, của người tố cáo và những người khác có liên quan (từ Điều 63 đến Điều 65).

10. Những vấn đề khác

Ngoài những nội dung chính nêu trên, Luật tố cáo 2018 còn quy định một số vấn đề khác như nguyên tắc giải quyết tố cáo, các hành vi bị nghiêm cấm và điều khoản thi hành...

V. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THI HÀNH LUẬT

Kinh phí triển khai thi hành Luật tố cáo 2018 và thực hiện công tác tiếp nhận, xử lý, giải quyết tố cáo được bố trí từ ngân sách nhà nước trong dự toán chi thường xuyên hằng năm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật. Các cơ quan được phân công chủ trì thực hiện các nhiệm vụ cụ thể để triển khai thi hành Luật tố cáo có trách nhiệm lập dự toán kinh phí bảo đảm việc triển khai thi hành Luật gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán ngân sách hàng năm theo quy định của pháp luật. Đối với các hoạt động được triển khai trong năm 2018, các Bộ, ngành và địa

phương được phân công thực hiện có trách nhiệm dự toán bổ sung và sắp xếp, bố trí kinh phí trong nguồn ngân sách nhà nước năm 2018 để tổ chức thực hiện.

VI. DỰ BÁO TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH CỦA LUẬT

Luật tố cáo 2018 sẽ bảo đảm và bảo vệ tốt hơn quyền của người tố cáo, người bị tố cáo; sẽ nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước và các chủ thể có liên quan trong công tác tiếp nhận, xử lý, giải quyết tố cáo và trong thực hiện kết luận giải quyết tố cáo; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền sẽ có thêm bộ công cụ pháp lý hiệu quả, thuận lợi hơn để thực hiện các nhiệm vụ: tiếp nhận, xử lý, giải quyết tố cáo; tổ chức thực hiện kết luận giải quyết tố cáo; quản lý nhà nước về công tác giải quyết tố cáo; nắm bắt thực chất và tham mưu, xử lý toàn diện, kịp thời, hiệu quả tình hình tố cáo và giải quyết tố cáo trên phạm vi toàn quốc và trong từng Bộ, ngành, địa phương.

Luật tố cáo 2018 đòi hỏi các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, giải quyết tố cáo, đặc biệt là cơ quan QLNN về công tác giải quyết tố cáo mau chóng tổ chức thi hành các chính sách mới của Luật. Trước hết là rà soát, kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tham mưu hoặc trực tiếp làm công tác tiếp nhận, xử lý, giải quyết tố cáo.

VII. TỔ CHỨC THI HÀNH LUẬT

Để Luật tố cáo 2018 sớm đi vào cuộc sống, công tác tổ chức thi hành Luật trước hết cần tập trung vào một số hoạt động sau:

1. Thanh tra Chính phủ: (i) Soạn thảo, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật tố cáo 2018; (ii) Chủ trì rà soát các quy định pháp luật hiện hành về tố cáo, giải quyết tố cáo và đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới bảo đảm phù hợp với Luật tố cáo 2018; (iii) Chủ trì xây dựng, phát hành bộ tài liệu cơ bản phục vụ tuyên truyền rộng rãi trên phạm vi toàn quốc; (iv) chủ trì hoặc phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tổ chức phổ biến, quán triệt, tập huấn về Luật tố cáo 2018 tới các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân với nội dung, hình thức phù hợp.

2. Các Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: (i) Xây dựng và triển khai kế hoạch tuyên truyền về Luật tố cáo 2018 tại Bộ, ngành, địa phương; (ii) Tổ chức rà soát các quy định hiện hành về tố cáo, giải quyết tố cáo do Bộ, ngành, địa phương ban hành và sửa đổi, bổ sung, ban hành mới bảo đảm phù hợp với Luật tố cáo 2018.

VIII. NỘI DUNG TUYÊN TRUYỀN VỀ LUẬT

1. Đối với nhân dân: Người dân cần biết và hiểu tinh thần của Luật, nhất là

những điểm mới về: nguyên tắc giải quyết tố cáo (Điều 4); các hành vi bị nghiêm cấm (Điều 8); quyền và nghĩa vụ của người tố cáo (Điều 9), người bị tố cáo (Điều 10), người giải quyết tố cáo (Điều 11); thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi VPPL trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ (từ Điều 12 đến Điều 21); hình thức tố cáo (Điều 22); tiếp nhận tố cáo (Điều 23); xử lý ban đầu thông tin tố cáo (Điều 24); rút tố cáo (Điều 33); tạm đình chỉ, đình chỉ việc giải quyết tố cáo (Điều 34); tố cáo tiếp, giải quyết lại vụ việc tố cáo (Điều 37); giải quyết tố cáo trong trường hợp quá thời hạn quy định mà chưa được giải quyết (Điều 38); bảo vệ người tố cáo (Chương VI, từ Điều 47 đến Điều 58).

2. Đối với cán bộ, công chức, viên chức: Cần nắm vững nội dung cơ bản của Luật, nhất là những điểm mới về: quyền, nghĩa vụ của người tố cáo, người bị tố cáo, người giải quyết tố cáo (Điều 9, Điều 10, Điều 11); nguyên tắc xác định thẩm quyền giải quyết tố cáo (Điều 12); thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi VPPL trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong cơ quan hành chính nhà nước (Điều 13), Tòa án nhân dân (Điều 14), Viện kiểm sát nhân dân (Điều 15), Kiểm toán nhà nước (Điều 16), cơ quan khác của Nhà nước (Điều 17), đơn vị sự nghiệp công lập (Điều 18); thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi VPPL trong việc thực hiện nhiệm vụ của người có chức danh, chức vụ trong doanh nghiệp nhà nước (Điều 19); tiếp nhận, xử lý ban đầu thông tin tố cáo (Điều 23, Điều 24); tiếp nhận, xử lý thông tin có nội dung tố cáo (Điều 25); trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo (từ Điều 28 đến Điều 40); trách nhiệm tổ chức thực hiện kết luận nội dung tố cáo (Chương V, từ Điều 44 đến Điều 46); các quy định về bảo vệ người tố cáo (Chương VI, từ Điều 47 đến Điều 58).

3. Đối với người thực hiện nhiệm vụ thi hành Luật: Cần nắm vững toàn bộ quy định của Luật, nhất là những điểm mới về: nguyên tắc giải quyết tố cáo (Điều 4); quyền, nghĩa vụ của người tố cáo, người bị tố cáo, người giải quyết tố cáo; (các Điều 9,10, 11); nguyên tắc xác định thẩm quyền giải quyết tố cáo (Điều 12); thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ (từ Điều 13 đến Điều 21); trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo hành vi vi phạm trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ (từ Điều 28 đến Điều 40); giải quyết tố cáo hành vi VPPL về QLNN trong các lĩnh vực (từ Điều 41 đến Điều 43); trách nhiệm tổ chức thực hiện kết luận nội dung tố cáo (Chương V, từ Điều 44 đến Điều 46); các quy định về bảo vệ người tố cáo (Chương VI, từ Điều 47 đến Điều 58).

Ngoài ra, tùy theo tính chất, đặc điểm của từng nhóm đối tượng cụ thể, các cơ quan tuyên truyền và báo cáo viên, tuyên truyền viên... cần lựa chọn nội dung tuyên truyền phù hợp.

IX. HÌNH THỨC TUYÊN TRUYỀN LUẬT

1. Đăng tải toàn văn nội dung của Luật tố cáo 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành trên các báo và cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

2. Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn, tập huấn để quán triệt, phổ biến nội dung Luật tố cáo 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Lựa chọn nội dung phù hợp để chuyển tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là mạng lưới thông tin cơ sở; bổ sung Luật tố cáo 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành cho tủ sách pháp luật để người dân tự tìm hiểu, nghiên cứu và học tập.

4. Tổ chức các hình thức linh hoạt, sáng tạo, hấp dẫn, phù hợp với đặc điểm, tình hình của cơ quan, tổ chức, địa phương để cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, đội viên, người lao động có cơ hội tham gia nghiên cứu, học tập, tìm hiểu về Luật tố cáo 2018.

5. Lồng ghép nội dung Luật tố cáo 2018 vào nội dung giáo dục pháp luật hằng năm cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Lồng ghép tuyên truyền, phổ biến Luật tố cáo 2018 qua hoạt động công vụ; hoạt động hành nghề luật sư, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở và các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, xử lý vi phạm hành chính...